

# Giải thích nội soi tiêu hóa dưới (GI) (Nội soi đại tràng) và điều trị nội soi /Explanation of Lower Gastrointestinal (GI) Endoscopy (Colonoscopy) and Endoscopic Treatment /下部消化管内視鏡検査（大腸ファイバースコープ検査）と 内視鏡的治療についての説明書

Ngày giải trình /Date of explanation/説明日

Bác sĩ giải thích /Physician providing explanation/説明医師

Tên bệnh /Name of disease/病名 :

(Nghỉ ngờ /Suspected/疑い) Nhân chứng /Witness/同席者 :

## 1. Nội soi đường tiêu hóa dưới (GI) (nội soi đại tràng) là gì?

### /What is lower gastrointestinal (GI) endoscopy (colonoscopy)?

#### /下部消化管内視鏡検査（大腸ファイバースコープ検査）とは

Nội soi đường tiêu hóa dưới (GI) là kỹ thuật sử dụng ống soi điện tử đưa qua hậu môn để quan sát toàn bộ ruột già và một phần ruột non, giúp bác sĩ chẩn đoán polyp, ung thư hoặc viêm nhiễm ở những vùng này. Việc kiểm tra cũng cho phép bác sĩ thu thập các mẫu mô để kiểm tra (sinh thiết) hoặc loại bỏ các tổn thương bằng nội soi (phẫu thuật cắt polyp, cắt bỏ niêm mạc, v.v.) khi cần thiết. Có các phương pháp khác để kiểm tra ruột như chụp X-quang thuốc xô bari (lông). Bạn có thể lựa chọn phương pháp này nếu cảm thấy khó thực hiện nội soi. Xin hãy hiểu rằng việc kiểm tra và điều trị mô mô học không được thực hiện trong quá trình khám. Khi ống nội soi không thể đi sâu vào ruột do dính hoặc khi nguy cơ xuất hiện các triệu chứng/biến chứng không mong muốn sau nội soi được dự đoán là cao, bác sĩ có thể quyết định thay đổi phương pháp sang chụp X-quang thuốc xô barium.

/Lower Gastrointestinal (GI) Endoscopy is a technique using a tube electronic scope inserted through the anus to observe the entire large intestine and a part of the small intestine, allowing the doctor to diagnose polyps, cancer, or inflammation of these areas. The examination also allows the doctor to collect tissue samples for inspection (biopsy), or endoscopically remove lesions (polypectomy, mucosal resection, etc.), when necessary. There are other methods to examine the intestines such as barium (liquid) enema X-ray radiography. You can choose this method if you feel it will be difficult for you to undergo endoscopy. Please understand that histological tissue examination and treatment are not available during the examination. When an endoscope cannot pass through deep into the intestines due to adhesions, or when the risk of unexpected symptoms/complications following endoscopy is expected to be high, the doctor may decide to change the method to barium enema X-ray radiography.

/管状の電子スコープを肛門から挿入し、大腸全体と小腸の一部を観察し、これらの部位に発生したポリープや癌、炎症などを診断します。必要に応じて組織の一部をとって調べたり（生検）、病変を内視鏡的に切除（ポリペクミーや内視鏡的粘膜切除術など）することもできます。大腸の検査法には、他にバリウム（液体）を使う注腸 X 線検査がありますが、この検査では組織検査や治療はできませんが、この内視鏡検査にどうしても抵抗のある方は、この事をご承知いただいた上で、注腸 X 線検査を選択していただく事も可能です。また逆に、癒着などのために内視鏡が大腸深部まで入らない場合や、内視鏡による偶発症の危険性が高い事が予測される場合には、医師の判断で注腸 X 線検査に変更する場合があります。

### (1) Trước kiểm tra /Pre-examination/事前検査

- Để đảm bảo an toàn cho nội soi, việc đánh giá tình trạng thể chất chung của bạn và/hoặc máu hoặc các xét nghiệm khác để kiểm tra nhiễm trùng có thể cần thiết.  
/To ensure the safety of colonoscopy, an evaluation of your general physical condition and/or blood or other tests to check for infection may be necessary.  
/検査を安全に行うために全身状態を調べたり、感染症の有無を知るために採血検査やその他の検査を行う場合があります。

### (2) Chuẩn bị cho kỳ thi /Preparation for the examination/検査の前処置

- Bạn sẽ được yêu cầu đi tiêu và làm sạch ruột trước khi khám. Thực hiện theo các hướng dẫn đính kèm. Bạn sẽ được yêu cầu uống thuốc nhuận tràng tại nhà hoặc tại bệnh viện của chúng tôi vào ngày khám./You will be required to empty and cleanse your colon prior to the examination. Follow the instructions attached. You will be asked to take a laxative either at home or at our hospital on the day of your examination.  
/大腸の内視鏡検査を行うには、大腸の中を空にしなければなりません。別紙説明書に従って準備してください。下剤を自宅で服用していただく場合と、検査日に施設に行ってから服用していただく場合があります。
- Bạn sẽ được yêu cầu ăn một bữa ăn nhẹ hoặc một bữa ăn đặc biệt trước khi thi vào buổi tối của ngày trước khi thi. Bạn sẽ phải bỏ bữa sáng vào ngày thi. Nếu bạn có lịch khám vào buổi chiều, bạn cũng sẽ phải bỏ bữa trưa.  
/You will be required to have a light meal or a special pre-examination meal on the evening of the day before your examination. You will need to skip breakfast on the day of your examination. If you are scheduled to undergo the examination in the afternoon, you will also need to skip lunch.  
/検査前日の夕食は軽くする場合や決められた検査食を食べていただくことがあります。当日の朝食は絶食です。午後からの検査の場合は昼食も絶食です。

Ví dụ 1/Example 1/例 1.

Phương pháp làm sạch ruột (thuốc làm sạch ruột được uống vào ngày khám)  
/Bowel-cleansing method (a bowel-cleansing agent is taken orally on the day of the examination)  
/経口腸管洗浄剤法 (検査当日服用)

Ví dụ 2/Example 2/例 2.

Thuốc nhuận tràng (uống trước khi đi ngủ vào ngày trước khi khám)  
+ Phương pháp làm sạch ruột (thuốc làm sạch ruột được uống vào ngày khám)  
/A laxative (taken before going to sleep on the day before the examination)  
+ bowel-cleansing method (a bowel-cleansing agent is taken orally on the day of the examination)  
/緩下剤 (検査前日就寝前服用) + 経口腸管洗浄剤法 (検査当日服用)

Nếu ruột của bạn không đủ trong hoặc phân vẫn còn, có thể cần dùng thêm thuốc nhuận tràng hoặc thuốc xổ./If your bowel is not clear enough or fecal matter remains, an additional laxative or enema may be required.

/ただし、排便状態が十分ではないときには下剤の服用を追加したり、浣腸を追加することがあります。

### (3) Thủ tục trong ngày thi/Procedure on the day of your examination/検査当日の手順

- Khi được gọi tên, bạn sẽ thay áo thi ở khu vực quy định.  
/When your name is called, you will change into an examination gown in a specified area.  
/名前が呼ばれたら、指定された場所で検査着に着替えます。
- Sau khi di chuyển vào phòng thi, bạn sẽ được yêu cầu nằm xuống bàn khám.  
/After moving to the examination room, you will be asked to lie down on the examination table.  
/検査室へ移動したら、検査台の上で横になります。
- Bạn có thể được tiêm thuốc để giảm căng thẳng hoặc đau đớn.  
/You may be given an injection to relieve tension or pain.  
/緊張を和らげる薬や痛み止めの薬を注射する場合があります。

- **Đừng căng thẳng ở bụng và thư giãn.**  
Thời gian kiểm tra tùy thuộc vào từng cá nhân. Thông thường là từ 15 phút đến 1 giờ.  
/Do not put tension in your abdomen and relax.  
The duration of the examination depends on the individual. It is usually between 15 minutes to 1 hour.  
/おなかに力を入れず、楽にしてください。  
検査時間は患者さんにより多少違い、およそ 15 分から 1 時間です。
- **Bạn có thể được yêu cầu thay đổi tư thế của mình vào một thời điểm nào đó trong quá trình thi. Bạn có thể cảm thấy áp lực trong dạ dày hoặc cảm thấy đầy hơi.**  
/You may be asked to reposition yourself at some point during the examination. You may feel pressure in your stomach or feel bloated.  
/途中で体の向きを変えたり、おなかが圧迫されたり、張ってきたりすることがあります。
- **Bác sĩ có thể kiểm tra tiến trình khám hoặc hình dạng ruột của bạn bằng máy soi huỳnh quang tia X.**  
/The doctor may check the progress of the examination or the shape of your intestines using an X-ray fluoroscope.  
/X 線透視を用いて内視鏡の進み具合や腸の形の様子を確認することもあります。

#### **(4) Những lưu ý sau khi khám/Precautions after the examination/検査後注意事項**

- **Bụng của bạn có thể tiếp tục cảm thấy đầy hơi. Cố gắng xì hơi càng nhiều càng tốt, điều này sẽ khiến bạn cảm thấy dễ chịu hơn theo thời gian.**  
/Your abdomen may continue to feel bloated. Try to pass gas as much as possible, which will make you feel better over time.  
/おなかが張って来ますので、ガスは積極的に出してください。時間を追って楽になります。
- **Nếu bạn không cảm thấy buồn nôn sau khi uống một lượng nhỏ nước, bạn có thể bắt đầu ăn.**  
/If you do not feel sick after drinking small amounts of water, you can start eating.  
/水を少し飲んでみて、気分が悪くならなければ、食事しても結構です。
- **Nếu bạn đã trải qua sinh thiết hoặc cắt polyp, bạn sẽ cần phải ăn những thực phẩm dễ tiêu hóa trong một thời gian nhất định theo hướng dẫn của bác sĩ. Tránh các thức ăn kích thích, nhiều dầu mỡ và rượu bia.**  
/If you have undergone a biopsy or polypectomy, you will need to have easily digestible foods for a certain period of time based on the doctor's instructions. Avoid stimulating and greasy foods, and alcohol.  
/組織やポリープ切除術を受けた方は、医師の指示により一定期間消化の良い食事を摂る必要があります。刺激物、脂もの、アルコール類は避けてください。
- **Bạn có thể nhận thấy một lượng máu nhỏ trong phân sau khi khám, nhưng bạn không phải lo lắng về điều đó nếu lượng máu chảy ra ít. Nếu chảy máu nhiều hoặc không cầm trong thời gian dài hoặc nếu bạn gặp các triệu chứng như chóng mặt, đổ mồ hôi lạnh hoặc đau bụng liên tục, hãy thông báo ngay cho bộ phận phụ trách (khoa ngoại trú hoặc phòng khám).**  
/You may notice a small amount of blood in your stool after your examination, but you do not have to worry about it if the bleeding is light. If the bleeding is heavy or does not stop for a long time, or if you experience symptoms such as dizziness, cold sweat, or continued abdominal pain, inform the department in charge (the outpatient department or the examination room) immediately.  
/検査後、便に少量の血が混じることがありますが、少量であれば心配いりません。しかし、出血量が多くなかなか止まらない場合や、めまい、冷や汗が生じたり、腹痛が続く場合には担当部署（外来または検査室）へ至急連絡してください。
- **Vào ngày kiểm tra, tránh vận động mạnh và đi tắm thay vì tắm lâu.**  
/On the day of your examination, avoid hard exercise and take a shower instead of having a long bath.  
/検査当日の激しい運動は控えてください。また、お風呂も長風呂を避け、シャワー程度にしてください。

- Bác sĩ sẽ giải thích kết quả khám cuối cùng sau. Xác nhận ngày hẹn tiếp theo của bạn tại khoa ngoại trú. Đừng tự mình lái ô tô mà hãy nhờ người nhà lái ô tô thay thế hoặc sử dụng phương tiện công cộng đến bệnh viện của chúng tôi để khám.

/The doctor will explain the final examination results at a later date. Confirm the day of your next appointment at the outpatient department.

Do not drive a car by yourself, but have a family member to drive a car instead, or use public transportation to visit our hospital for the examination.

/最終検査結果説明は後日となりますので、次回外来診察日をご確認ください。

検査当日は、ご本人が、車などの運転をするのは控えて、できるだけ公共機関での来院、もしくはご家族の方に運転してもらうなどで、来院してください。

## 2. Điều trị nội soi /Endoscopic treatment/内視鏡的治療について

Nếu phát hiện tổn thương bất thường khi nội soi và có thể thực hiện các thủ thuật điều trị nội soi trong quá trình thăm khám thì bác sĩ thực hiện thăm khám sẽ giải thích về việc đó vào thời điểm đó. Có nhiều loại polyp khác nhau. Mặc dù một loại polyp đại tràng không cần phải cắt bỏ nhưng các loại khác có thể trở thành nguồn chảy máu hoặc có thể gây ung thư hoặc có nguy cơ trở thành ung thư nếu không được điều trị. Một số polyp có thể được cắt bỏ trong quá trình khám, những polyp khác chỉ có thể được cắt bỏ sau đó và phải nhập viện.

/If abnormal lesions are detected during the endoscopy, and endoscopic treatment procedures can be performed during the examination, the doctor performing the examination will explain about it at that time. There are different types of polyps. While one type of colon polyp do not have to be removed, other types may become the source of bleeding, or may be cancerous or be at risk of becoming cancerous, if left untreated. Some polyps can be removed during the examination, still others can only be removed at a later date, requiring hospitalization.

/検査で病変が発見され、その場で内視鏡的治療が可能な場合は、検査施行医が説明します。腸のポリープには、切除する必要のないものもある一方で、放置すると出血源となるものや癌になる危険性のあるもの、すでに癌化しているものなど、さまざまな状態のものがあります。また、検査中に切除可能なものもあれば、日を改めて入院していただいた上で切除する必要のあるものもあります。

Điều trị nội soi được chỉ định cho các polyp lành tính, ung thư giai đoạn sớm chỉ được phát hiện ở niêm mạc và ung thư đã lan nhẹ xuống lớp dưới của niêm mạc.

Có ba phương pháp điều trị nội soi: 1) sinh thiết nóng, 2) cắt polyp và 3) cắt bỏ niêm mạc qua nội soi (EMR). Tùy theo kích thước và hình dạng tổn thương sẽ lựa chọn phương pháp phù hợp nhất.

/Endoscopic treatment is indicated for benign polyps, early cancers detected only in the mucous membrane, and cancers slightly spreading to the lower layer of the mucous membrane.

There are three methods of endoscopic treatment: 1) hot biopsy, 2) polypectomy, and 3) endoscopic mucosal resection (EMR) The most suitable method will be chosen depending on the size and shape of the lesion.

/良性のポリープや、早期癌の中でも粘膜だけにとどまっているもの、粘膜下層へわずかに広がっているものが内視鏡治療の適応となります。

方法として、①ホットバイオプシー、②ポリペクトミー、③内視鏡的粘膜切除術（EMR）にわけられ、病変の大きさや形によって方法を選択します。

- ① Sinh thiết nóng là kỹ thuật tiêu diệt các polyp nhỏ bằng cách đốt phần gốc tổn thương bằng dòng điện tần số cao, đồng thời kẹp đầu polyp.

/Hot biopsy is a technique that destroys small polyps by cauterizing the root of the lesion with a high-frequency current, while the tip of the polyp is grasped by forceps.

/ホットバイオプシーは、小さなポリープに対して、鉗子でつまみながら高周波電流を用いて病変の根もとを焼き切る処置です。

- ② Cắt polyp là kỹ thuật loại bỏ polyp bằng cách lấy và đốt cuống polyp bằng dòng điện tần số cao thông qua một sợi dây tròn (bẫy) được đưa vào ống nội soi.

/Polypectomy is a technique that removes polyps by grabbing and cauterizing the stems of polyps with a high-frequency current via a round wire (snare) inserted into the colonoscope.

/ポリペクトミーは、茎のあるポリープに対して、輪の形のワイヤー（スネア）を茎の部分でしめ、高周波電流を用いて切断します。

- ③ EMR là kỹ thuật loại bỏ lớp bề mặt của polyp bằng cách lấy và đốt tổn thương bằng dòng điện qua dây tròn sau khi nâng bề mặt polyp bằng cách tiêm cục bộ dung dịch muối vào tận gốc tổn thương. EMR được sử dụng cho các polyp phẳng hoặc nghi ngờ ung thư giai đoạn đầu.

/EMR is a technique that removes the surface layer of the polyps by grabbing and cauterizing the lesion with an electric current via a round wire after raising the surface of polyps using a local injection of saline solution to the root of the lesion. EMR is used for flat polyps or suspected early cancers.

/内視鏡的粘膜切除術（EMR）は、病変の根もとに生理食塩水などを局所に注射して病変を浮きあがらせてから、輪になったワイヤーでしめつけ、電気を流して切除します。平たい形のポリープや、早期癌が疑われるものなどは、この方法で治療します。

Điều trị nội soi thường không gây đau đớn. Tuy nhiên, nếu bạn cảm thấy đau nhói khi tiêm thuốc cục bộ vào ruột già hoặc khi bật dòng điện, hãy báo ngay cho bác sĩ thực hiện điều trị. Để ngăn ngừa các triệu chứng/biến chứng không mong muốn, có thể chọn các lựa chọn khác bao gồm cả việc ngừng điều trị nếu cần thiết.

/Endoscopic treatment usually does not cause any pain. However, if you feel a sharp pain when the local injection to the large intestine is given, or when the electric current is turned on, be sure to let the doctor performing the treatment know immediately. To prevent unexpected symptoms/complications, other options including the discontinuation of the treatment may be chosen, as necessary.

/内視鏡治療には通常は痛みを伴いません。「大腸の中で部分的に注射」したり、「電気を流した」時に、万一、鋭い痛みを感じたら、必ず施行医に伝えてください。偶発症を回避するため、必要に応じて治療の中止を含む処置をとる事があります。

Việc cắt bỏ polyp (ngay cả những polyp nhỏ) mà không có biện pháp phòng ngừa đặc biệt là rất nguy hiểm đối với những bệnh nhân hiện đang điều trị bằng thuốc chống đông máu cho các bệnh về tim hoặc mạch máu não, vì họ khó cầm máu. Thuốc chống đông máu được bác sĩ kê đơn vì những lý do cụ thể, và do đó bác sĩ tiêu hóa không thể quyết định có nên tạm dừng điều trị hay không. Vì lý do này, nếu bạn đang dùng thuốc chống đông máu, bạn cần tham khảo ý kiến bác sĩ đã kê đơn thuốc về việc tạm dừng thuốc. Sau khi tham khảo ý kiến bác sĩ của bạn, chúng tôi sẽ quyết định có nên tạm dừng điều trị hay chọn các lựa chọn khác, chẳng hạn như truyền heparin liên tục. Xin lưu ý rằng thời gian lưu trú trước khi nhập viện (khoảng \_\_\_ tuần) là cần thiết trong trường hợp sau.

/The removal of polyps (even small ones) without special precautions is very risky for patients currently undergoing anticoagulant therapy for cardiac or cerebrovascular diseases, because of their difficulty to stop bleeding. Anticoagulants are prescribed by their doctors for specific reasons, and therefore the gastroenterologist cannot decide whether or not to suspend the therapy. For this reason, if you are taking an anticoagulant, you need to consult the doctor who has prescribed the drug about suspending the drug. After the consultation with your doctor, we will decide whether to suspend the therapy or choose other options, such as continuous heparin infusion. Please note that pre-hospital stay (approximately \_\_\_ weeks) is necessary in the latter case.

/心疾患や脳血管疾患などで抗凝固療法を継続中の方では、出血が起きても血が止まりにくいいため、どんなに小さなポリープでもそのまま切除するのは極めて危険です。抗凝固剤は本来、必要があって処方されているものですから、消化器内科医が勝手に中断するか否かの判断はできません。まず、その薬を処方されている主治医との相談が必要です。その上で、一時的に休薬していただいたり、別の方法に切り替えたりしてから（内服薬を中断して「ヘパリン」という薬を静脈から持続点滴します）治療を行う事になります。後者の場合は、事前入院（約〇週間）が必要になりますので、ご了承下さい。

### 3. Triệu chứng/biến chứng không mong muốn sau khám/thủ thuật/điều trị và tần suất xuất hiện /Unexpected symptoms/complications following examination/procedures/treatment and their frequency

#### /検査・処置・治療ともなう偶発症とその頻度

Các triệu chứng/biến chứng không mong muốn chính bao gồm phản ứng dị ứng với thuốc dùng khi khám và chảy máu hoặc thủng ruột (tạo lỗ trong ruột) sau thủ thuật nội soi. Theo Dữ liệu Quốc gia năm 2002 của Hiệp hội Nội soi Tiêu hóa Nhật Bản, tỷ lệ mắc các triệu chứng/biến chứng không mong muốn sau nội soi được báo cáo là 0,04-0,069% và sau phẫu thuật cắt polyp được báo cáo là 0,147-0,22%. Chúng tôi rất tiếc rằng không thể đảm bảo tỷ lệ mắc bệnh bằng 0 ngay cả khi chúng tôi thực hiện các biện pháp phòng ngừa tốt nhất có thể. Nếu sự cố xảy ra, chúng tôi sẽ cung cấp dịch vụ chăm sóc tốt nhất có thể bao gồm cả điều trị bằng phẫu thuật. Có thể phải kéo dài thời gian nằm viện (nhập viện ngay trong trường hợp khám tại khoa ngoại trú), truyền máu hoặc phẫu thuật ngay lập tức (đặc biệt trong trường hợp thủng ruột).

/The major unexpected symptoms/complications include allergic reactions to the drug used in the examination and bleeding or intestinal perforation (creating a hole in the intestines) following endoscopic procedures. The incidence of unexpected symptoms/complications following endoscopy was reported to be 0.04-0.069%, and that following polypectomy was reported to be 0.147-0.22%, according to the National Data 2002 by the Japan Gastroenterological Endoscopy Society. We regret that it is not possible to guarantee zero incidence even if we take the best possible precautions. If an incident occurs, we will provide the best possible care including surgical treatment. Extension of hospitalization (immediate hospitalization in the case of an examination at the outpatient department), blood transfusion, or immediate surgery (particularly in the case of intestinal perforation) may be required.

/この検査では、使用する薬に対するアレルギー、内視鏡操作によって起こる出血・腸穿孔（腸に穴があく事）などが主な偶発症です。日本消化器内視鏡学会が行った全国集計(2002年)によると、その頻度は、検査のみの場合で0.04～0.069%、ポリペクトミーを行った場合で0.147～0.22%と報告されています。残念ながら最善の手を尽くしても偶発症発生の可能性をゼロにする事はできません。万一、偶発症が発生した場合には、外科的処置を含む最善の処置を致します。入院期間の延長（外来検査の場合は緊急入院）や輸血、緊急手術（特に腸穿孔の場合）などが必要になる事があります。

### 4. Những lưu ý sau khi khám/điều trị /Precautions after the examination/treatment

#### /検査・治療終了後の注意事項/

Để việc khám/điều trị chính xác và khó khăn hơn, các triệu chứng/biến chứng không mong muốn có thể xảy ra thường xuyên hơn. Bệnh nhân chỉ được khám có thể uống nước và ăn nhẹ ngay sau khi khám. Bệnh nhân được dùng thuốc an thần trong quá trình khám có thể bắt đầu ăn sau khi xác nhận rằng tác dụng của thuốc đã biến mất. Bệnh nhân trải qua kiểm tra mô học hoặc cắt polyp không được uống rượu vào ngày khám để ngăn ngừa chảy máu sau phẫu thuật. Phẫu thuật cắt polyp gây ra sự hình thành các vết loét nhân tạo trong ruột, có thể cần phải hạn chế chế độ ăn uống bao gồm nhịn ăn, tùy thuộc vào kích thước và tình trạng của vết loét. Sau khi kiểm tra, nhân viên phụ trách sẽ giải thích các biện pháp phòng ngừa mà bạn cần thực hiện. Hãy chắc chắn để làm theo họ. /Đừng ngần ngại đặt bất kỳ câu hỏi nào, ngay cả khi bạn nghĩ chúng là chuyện nhỏ. Bụng đầy hơi hoặc đau bụng nhẹ có thể tiếp tục ngay cả sau khi khám, nhưng tình trạng này sẽ thuyên giảm khi bạn xì hơi. Nếu bạn tiếp tục bị đau, thấy chảy máu hoặc có bất kỳ lo ngại nào, hãy thông báo cho nhân viên bệnh viện.

/For more precise and difficult examinations/treatments, unexpected symptoms/complications are likely to occur more frequently. Patients undergoing only an examination can take liquids and have a light meal soon after the examination. Patients given a sedative during the examination can start eating after confirmation that the effect of the drug has disappeared. Patients undergoing a histological tissue examination or polypectomy must not drink alcohol on the day of the examination to prevent postoperative bleeding. A polypectomy causes the formation of artificial ulcers in the intestines, which may require dietary restrictions including fasting, depending on the size and condition of the ulcers. After the examination, the staff member in charge will explain the precautions you will need to take. Be sure to follow them. /Do not hesitate to ask any questions, even if you think they are minor. Stomach bloating or slight stomach pain may continue even after the examination, but the condition will be relieved as you pass gas. If you have continued pain, notice bleeding, or have any concerns, inform the hospital staff.

/精密で難しい検査や処置ほど偶発症の頻度が増加しますが、検査のみの場合は、終了後すぐに水分や軽食を摂ることができます。ただし、鎮静剤を使用した場合は、その効果が切れたことを確認後、食事摂取の許可が出ます。組織検査やポリープ切除術を受けた方は、術後出血を防ぐため当日の飲酒は避けて下さい。ポリープ切除を行うと、腸に人工的な潰瘍が発生しますので、その大きさや状態によっては絶食を含む食事制限の必要な事があります。検査終了後には担当のスタッフが処置内容に応じたご説明をしますので、必ず守って下さい。なお、ご質問がありましたら、些細な事でも遠慮なくお尋ねください。検査後にお腹の張りや軽い痛みの残る方もありますが、大抵はガスが出るにつれて軽快します。万が一、いつまでも痛みがとれない時や、出血が起こった時、ご心配な症状がある時には病院へご連絡下さい。

## 5. Ý kiến thứ hai /Second opinion/セカンド・オピニオン

Nếu bạn không cảm thấy hài lòng với lời giải thích được cung cấp cho mình hoặc không thể đưa ra quyết định liên quan đến việc khám/điều trị của mình, bạn có thể yêu cầu ý kiến thứ hai từ bác sĩ/bệnh viện khác. Ngay cả khi bạn đã thay đổi quyết định sau khi gửi mẫu chấp thuận có chữ ký của mình, nếu bạn muốn ngừng khám/điều trị, vui lòng cho chúng tôi biết. Nó sẽ không ảnh hưởng xấu đến việc tư vấn/điều trị trong tương lai của bạn.

/If you do not feel satisfied with the explanation provided for you, or cannot make a decision regarding your examination/treatment, you may request a second opinion from another doctor/hospital. Even if you have changed your mind after submitting your signed informed consent form, if you want to discontinue your examination/treatment, please do not hesitate to let us know. It will not adversely affect your future consultation/treatment.

/今回の説明で納得できない場合や、決心がつかない場合などには、他の医師や医療機関にセカンド・オピニオンを求める事ができます。一旦同意書を提出された後で考えが変わり、検査や治療の中止を希望される場合にも遠慮なくお申し出下さい。そのために今後の診療で不利をうけるような事は一切ありません。

## Dành cho bệnh nhân được lên lịch nội soi đại tràng /For Patients Scheduled to Undergo Colonoscopy /大腸内視鏡検査を受けられる患者様へ

### Ngày trước ngày kiểm tra /The day before the examination/前日

Ăn thức ăn dễ tiêu cả ngày trước ngày khám.

/Eat easily digestible foods all day the day before the examination.

/検査前日は終日消化の良いものを食べてください。

●Bạn có thể ăn tối. Bạn sẽ phải nhịn ăn sau bữa tối cho đến khi hoàn thành bài kiểm tra.

/You may have dinner. You will be required to fast after your dinner until the completion of the examination.

/夕食は食べて頂いて構いません。夕食以降、検査が終わるまでは絶食です。

●Kết thúc bữa tối của bạn trước 18:00. Không có hạn chế về chất lỏng.

/Finish your dinner by 18:00. There are no fluid restrictions.

/夕食は 18 時までに食事を済ませてください。水分の制限はありません。

※ Cà phê hoặc trà phải được uống không có sữa hoặc đường.

/Coffee or tea must be taken without milk or sugar.

/コーヒー、紅茶はミルク・砂糖抜きでお願いします。

### ◀ Thực đơn ví dụ ngày trước ngày thi /Menu examples on the day before the examination

#### ◀ 大腸内視鏡検査のメニュー例 ▶

#### Thực phẩm bạn có thể ăn /Foods you may eat/食べてよいもの

Chỉ mì udon (mì dày), cháo, đậu phụ (đậu phụ), khoai mỡ, khoai tây, bánh mì trắng, chuối, táo (không ăn vỏ), kẹo trong, bánh pudding, cà phê hoặc trà không sữa, v.v.

/Only Udon noodles (thick wheat noodles), rice gruel, tofu (soybean curd), yams, potatoes, white bread, bananas, apples (do not eat the peel), transparent candies, pudding, coffee or tea without milk, etc.

/うどんの麺のみ、粥、豆腐、山芋、ジャガイモ、食パン、バナナ、リンゴ（皮は食べてはいけない）、透明のキャンディー、プリン、コーヒー（ミルク・砂糖抜き）、紅茶（ミルク・砂糖抜き）

#### Những thực phẩm không nên ăn/Foods you must not eat/食べてはいけないもの

Mì soba (mì kiều mạch), rong biển hijiki, rong biển wakame, giá đỗ, nấm enoki, konnyaku (bột làm từ bột konnyaku), gobo (rễ cây ngưu bàng), đậu, rau, ngô, củ cải khô, dưa hấu, quả kiwi, dâu tây, mít, tempura, đồ chiên rán, v.v.

/Soba noodles (buckwheat noodles), hijiki seaweed, wakame seaweed, bean sprouts, enoki mushrooms, konnyaku (paste made from konnyaku flour), gobo (burdock root), beans, vegetables, corn, dried strips of radish, watermelon, kiwi fruit, strawberry, jams, tempura, deep-fried foods, etc.

/そば、ひじき、わかめ、もやし、えのき、こんにゃく、ごぼう、豆類、野菜、トウモロコシ、切り干し大根、スイカ、キウイ、イチゴ、ジャム、てんぷら、揚げ物など

※ Tránh thực phẩm chiên, rong biển, nấm, đậu, rau lá và trái cây có hạt.

/Avoid fried foods, seaweeds, mushrooms, beans, leafy vegetables, and fruits with seeds.

/油もの・海藻類・きのこ類・豆類・葉物野菜類・種のある果物は避けるようにしてください。



Theo hướng dẫn của bác sĩ, bạn sẽ uống 1 hoặc 2 viên dưới đây trước khi đi ngủ.

/According to the doctor's instruction, you will take either the 1 or 2 below orally before going to sleep.

/医師の指示により、寝る前に、①か②のどちらかを内服してもらいます。

Ngày trước ngày kiểm tra /Date of the day before the examination/検査前日

Tháng /Month/月

Ngày /Day/日

Ngày /Day of the week/曜日

① 4 viên Laxoberone./LAXOBERON 4 tablets/ラキソベロン 4錠飲んでください。

(2 viên sau bữa tối /2 tablets after dinner/夕食後 2錠, 2 viên vào lúc 22h00/2 tablets at 22:00/22時 2錠)

② LAXOBERON 10ml [chai]/LAXOBERON 10 ml [bottle]/ラキソベロン 10 ml/10ml/本

trước khi đi ngủ /before going to sleep/1本 (眼前)

## Vào ngày kiểm tra của bạn /On the day of your examination/検査当日

Ngày trước ngày kiểm tra /Date of the day before the examination/検査前日

Không ăn sáng hoặc ăn trưa /Do not have breakfast or lunch/朝食・昼食は、とらないで下さい。

① Uống 2 viên GASMOTIN lúc 6 giờ sáng./Take 2 tablets of GASMOTIN at 6 a.m.

/ガスマチン 2錠を 6時に飲んでください。

●Nếu bạn đang dùng bất kỳ loại thuốc uống nào, hãy dùng chúng như bình thường.

\*Các trường hợp ngoại lệ là các loại thuốc mà bạn đã được hướng dẫn không dùng vào ngày khám, thuốc trị tiểu đường và insulin.

●If you are on any oral medications, take them as usual.

\*The exceptions are medications that you have been instructed not to take on the day of your examination, diabetic drugs, and insulin.

●普段のんでいる薬のある方は、普段通り内服してください。

\*ただし、検査当日中止するように言われているお薬、糖尿病薬、インスリンは中止して下さい。

② Uống hết nước NIFLEC, 2000 mL, trong khoảng thời gian từ 8 giờ sáng đến 10 giờ sáng. Không có hạn chế về chất lỏng vào ngày kiểm tra của bạn. Uống nhiều nước. Bạn có thể uống trà xanh, nước lọc hoặc trà, cà phê (không có sữa). Bạn sẽ phải nhịn ăn cho đến khi hoàn thành bài kiểm tra.

/Drink all the NIFLEC water, 2000 mL, between 8:00 am and 10:00 am. There are no fluid restrictions on the day of your examination. Drink plenty of fluids. You can drink green tea, water, or tea or coffee (without milk). You will be required to fast until the completion of the examination.

/ニフレック 2000 ml を 8時から 10時までの間に飲み切ってください。

当日は、水分の制限はありません。お茶、水、紅茶・コーヒー（ミルク・砂糖抜き）であれば飲んでも構いませんので、十分に水分を摂って下さい。検査が終了するまで絶食です。

### Cách làm nước NIFLEC /How to make NIFLEC water/ニフレックの作り方

① Mở nắp bình chứa NIFLEC và đổ nước đến vạch định mức 1 L của bình chứa.

/Open the cap of the container of NIFLEC, and pour water up to the 1 L calibration of the container.

/キャップを開けて約 1 リットルの目盛まで水を入れます。

② Đóng chặt nắp và lắc bình chứa để hòa tan hoàn toàn NIFLEC.

/Close the cap firmly and shake the container to dissolve the NIFLEC completely.

/キャップをきちんと閉め、よく振り、完全に溶かします。

③ Thêm thêm nước đến mức hiệu chuẩn 2 L, đặt bình chứa ở nơi bằng phẳng để điều chỉnh lượng nước.

/Add more water up to the 2 L calibration, placing the container on a flat place to adjust the amount of water.

/さらに水を加え、平らな場所に置いて、約 2 リットルの目盛まで水を入れます。

④ Đóng nắp lại và trộn đều để nồng độ được đồng đều.

/Close the cap again and mix it to make the concentration even.

/キャップを閉め、均一になるように混ぜてください。

⑤ Đảm bảo chỉ sử dụng nước để hòa tan NIFLEC. Không thêm bất kỳ hương liệu nào.

/Be sure to use only water to dissolve the *NIFLEC*. Do not add any flavoring.

/必ず水だけで溶かして下さい。味付けはしないで下さい。

**Cách uống nước NIFLEC /How to drink NIFLEC water/ニフレックの飲み方**

Uống nước Niflec từ từ. Dành hơn 15 phút để uống một ly nước NIFLEC trong 2-3 ly đầu tiên. Nếu khó uống nước, bạn có thể làm lạnh hoặc ăn một ít kẹo trước và sau khi uống. Bạn sẽ đi tiêu khoảng 1 giờ sau khi bắt đầu uống nước.

Nếu bạn không đi tiêu được, hãy tập thể dục nhẹ hoặc xoa bóp vùng bụng.

Tiếp tục uống nước cho đến khi bạn không tìm thấy phân trong phân và bạn đi đại tiện ra phân lỏng trong suốt hoặc màu vàng. Nếu bạn gặp các triệu chứng như xanh xao, buồn nôn, nôn mửa, đau bụng, nổi mề đay hoặc khó thở hoặc nếu bạn không thể uống nước nữa hoặc không đi tiêu, hãy gọi điện cho chúng tôi.

/Drink the Niflec water slowly. Spend more than 15 minutes to drink a glass of *NIFLEC* water for the first 2-3 glasses. If you have difficulty in drinking the water, you can chill it, or have some candies before and after drinking it. You will have a bowel movement approximately 1 hour after the start of drinking the water.

If you do not have a bowel movement, do light exercise or massage your abdomen.

Continue drinking the water until you find no fecal matter in your stool and you pass transparent or yellow watery stool. If you experience symptoms such as paleness, nausea, vomiting, abdominal pain, hives, or difficulty in breathing, or if you cannot drink the water any more or have no bowel movement, give us a phone call.

/飲み始めのコップ 2~3 杯目までは、1 杯につき 15 分以上かけてゆっくり飲んで下さい。飲みにくい時は、冷やしたり、ニフレックを飲む前後に飴をなめたりしてみてください。飲み始めて 1 時間後ぐらいから排便が始まります。

排便が始まらない時、軽い運動や、お腹をマッサージしてみてください。

便に固形物が混ざらなく、無色あるいは、黄色の水様便になるまで飲んでください。万が一、飲んでい  
る途中で、青ざめる・吐き気・嘔吐・腹痛・じんましん・息苦しさが出現したり、飲めない、排便がないな  
どの症状があれば病院に電話して下さい。

Thời điểm bạn bắt đầu uống rượu /Time when you started drinking/飲み始めた時刻

Giờ/Hour/時      Phút /Minutes/分

Số lần đi tiêu /Number of bowel movements/排便回数

lần /Number of times/回

Lượng nước Niflec bạn đã uống/Amount of Niflec water you drank/飲んだ量

ml /ml

## Dành cho bệnh nhân được lên lịch nội soi đại tràng /For Patients Scheduled to Undergo Colonoscopy /大腸内視鏡検査を受けられる方へ

- Vui lòng đến quầy tiếp nhận nội soi 30 phút trước giờ hẹn vào ngày khám.  
/Please arrive at the endoscopy reception desk 30 minutes before your appointment on the day of your examination.  
/検査当日は、検査予約時間の 30 分前に、内視鏡受付におこし下さい。
- Hãy nhớ mang theo mẫu chấp thuận có chữ ký của bạn.  
/Be sure to bring your signed informed consent form with you. /同意書を必ず持参してください。
- Không tự lái ô tô hoặc đi xe máy/xe đạp, sử dụng phương tiện giao thông công cộng và cố gắng nhờ ai đó đi cùng đến bệnh viện.  
/Do not drive a car yourself or ride a motorbike/bicycle, use public transportation, and try to have someone accompany you to the hospital.  
/来院時は車・オートバイ・自転車で来院することは避け、公共機関を利用し、出来るだけ付き添いの方と来院してください。
- Thông báo trước cho chúng tôi trong bất kỳ trường hợp nào sau đây: tiền sử bệnh tim hiện tại (đau thắt ngực, nhồi máu cơ tim, rối loạn nhịp tim), nhãn áp cao (bệnh tăng nhãn áp), đái tháo đường hoặc khó tiểu ở nam giới (tuyến tiền liệt phì đại), hiện tại dùng thuốc làm loãng máu (thuốc chống đông máu).  
\*Dùng thuốc như bình thường (trừ những loại thuốc mà bạn đã được hướng dẫn không dùng vào ngày khám).  
/Inform us in advance in any of the following cases: current history of cardiac disease (angina pectoris, myocardial infarction, arrhythmia), high intraocular pressure (glaucoma), diabetes mellitus, or difficulty in urinating in men (enlarged prostate gland), currently taking blood-thinner medicine (anticoagulant).  
\*Take your medications as usual (except for the medications that you have been instructed not to take on the day of your examination).  
/現在心臓病 (狭心症・心筋梗塞・不整脈)・眼圧の高い方 (緑内障)・糖尿病・男性で尿の出にくい方 (前立腺肥大症)、血をサラサラにする薬 (血液凝固阻止剤) を服用中の方は、事前に申し出てください。  
※飲み薬は普段通り内服してください。(ただし、検査当日中止するようになっているお薬は、中止してください。)

\* Tôi đã nhận được giải thích đầy đủ về nội dung trên và hiểu rõ nội dung đó.

/I have received sufficient explanation of the content above and fully understood it.

/上記の内容につき十分な説明を受け、理解しました。

\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_  
(Năm /Year/年 /Tháng/Month/月 / Ngày /Day/日)

Ký tên /Signature/署名欄